TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2026/DS-PT
Ngày 04 - 3 - 2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn An

Bà Phan Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Phùng Đức Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2026, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 649/2025/TLPT-DS ngày 28/11/2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 25/2026/QĐPT-DS ngày 09/01/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Ngô Thị N, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn I, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, nay là thôn I, xã N, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: bà Ninh Thị Nguyên H, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp I, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, nay là ấp I, xã Đ, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1977; nơi cư trú: thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, nay là thôn B, xã N, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2025 của nguyên đơn bà Ngô Thị N và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Ninh Thị Nguyên H trình bày:

Bà Ngô Thị N và bà Nguyễn Thị Lệ T có mối quan hệ quen biết với nhau nên bà N có tham gia góp vốn (cách gọi khác là tham gia chơi hụi) do bà T làm chủ hụi. Trong năm 2023, bà N và bà T có ký kết nhiều hợp đồng góp vốn và đã được thanh toán còn 02 hợp đồng góp vốn (gọi cách khác là tham gia chơi 02 dây hụi) chưa được thanh toán, cụ thể: hợp đồng góp vốn đề ngày 07/2/2023 với nội dung mỗi tháng góp 10.000.000đ/1tháng bắt đầu góp từ tháng 2/2023, thời hạn góp vốn là 15 tháng. Hợp đồng góp vốn đề ngày 20/11/2023 với nội dung mỗi tháng góp 5.000.000đ/1 tháng bắt đầu góp từ tháng 11/2023, thời hạn góp vốn là 15 tháng. Sau khi thỏa thuận việc tham gia góp vốn thì bà N đã góp được là 93.200.000đ (đối với hợp đồng góp vốn ngày 7/2/2023, góp từ ngày 07/2/2023 âm lịch đến ngày 7/01/2024 âm lịch) và góp được 11.600.000đ (đối với hợp đồng góp vốn ngày 20/11/2023, góp từ ngày 20/11/2023 đến ngày 22/01/2024). Khi bà N góp hàng tháng thì bà T đều ký nhận. Tổng số tiền bà N đã góp cho bà T cho 02 dây hụi là 104.800.000đ. Sau này, bà T tuyên bố bể hụi nên bà N không tiếp tục đóng cho bà T nữa. Sau đó, bà N nhiều lần yêu cầu bà T trả lại số tiền mà bà N đã đóng cho bà T nhưng bà T không trả xâm phạm đến quyền, lợi ích của bà N nên nay bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả số tiền hụi là 104.800.000đ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, không còn yêu cầu nào khác.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T trình bày:

Bà thừa nhận năm 2023 giữa bà và bà N có chơi hai dây hụi như bà N trình bày, việc chơi hụi thể hiện bằng hợp đồng góp vốn, cụ thể: hợp đồng góp vốn ngày 07/2/2023 với chân hụi số tiền 10.000.000 đồng/ 1 tháng, thời hạn 15 tháng. Bà N đã góp 12 tháng với tổng số tiền là 93.200.000 đồng và hợp đồng góp vốn ngày 20/11/2023 với chân hụi số tiền 5.000.000 đồng/1tháng, thời hạn 15 tháng, bà N đã góp được 03 tháng với số tiền 11.600.000 đồng. 02 chân hụi nói trên chưa tất toán. Tuy nhiên, trong thời gian chơi hụi với nhau thì bà N có ứng tiền chơi hụi và bà nhiều lần cho ứng hụi bằng hình thức chuyển khoản, cụ thể: Ngày 05/10/2023 bà chuyển 75.000.000 đồng; Ngày 07/12/2023 bà chuyển 11.289.000 đồng; Ngày 10/12/2023 bà chuyển 21.996.000 đồng; Ngày 04/12/2023 bà chuyển 7.884.000 đồng; Ngày 21/11/2023 bà chuyển 5.000.000 đồng; Ngày 02/2/2024 bà chuyển 9.900.000 đồng; Ngày 19/01/2024 bà chuyển 2.030.000 đồng. Tổng số tiền bà đã cho bà N ứng hụi là 133.099.000 đồng là nhiều hơn sớ tiền bà N góp cho bà. Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị N, bà không đồng ý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2025/DS-ST ngày 29/9/2025, Toà án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị N về việc "tranh chấp nợ hụi" đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T trả cho nguyên đơn bà Ngô Thị N số tiền hụi là 104.800.000đ.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/10/2025, bị đơn Nguyễn Thị Lệ T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm xét xử ngày 29 tháng 9 năm 2025, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Về những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà T; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thị Lệ T được nộp trong thời hạn, có nội dung, hình thức và phạm vi kháng cáo phù hợp với quy định tại các điều 271, 272 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung vụ án:

[2] Tại phiên tòa, cả bà N và bà T đều thừa nhận: năm 2023 bà N có tham gia chơi 02 dây hụi do bà T làm chủ hụi dưới hình thức là hợp đồng góp vốn, cụ thể: hợp đồng góp vốn ngày 07/02/2023 với chân hụi số tiền 10.000.000 đồng/1tháng, thời hạn 15 tháng, bà N đã góp 12 tháng với tổng số tiền là 93.200.000 đồng và hợp đồng góp vốn ngày 20/11/2023 với chân hụi số tiền 5.000.000 đồng/1tháng, thời hạn 15 tháng, bà N đã góp được 03 tháng với số tiền 11.600.000 đồng. Hai dây hụi này bà N đã đóng tiền hụi sống cho bà T với tổng số tiền 104.800.000 đồng thì bể hụi (úp hụi) và bà N ngưng hụi từ tháng 01 năm 2024. Ngoài 02 dây hụi trên thì trong năm

2023 bà N bà bà T còn tham gia chơi nhiều dây hụi khác cùng nhau và cũng nhiều lần cho nhau vay tiền. Đây là những tình tiết được các bên đương sự thừa nhận nên được coi là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà N và kháng cáo của bà T, nhận thấy: Bà T cho rằng, mặc dù 02 dây hụi nói trên chưa được tất toán nhưng trong thời gian chơi hụi bà T nhiều lần cho bà N ứng tiền hụi bằng hình thức chuyển khoản, cụ thể: ngày 05/10/2023 bà T chuyển 75.000.000 đồng; ngày 07/12/2023 bà T chuyển 11.289.000 đồng; ngày 10/12/2023 bà T chuyển 21.996.000 đồng; ngày 04/12/2023 bà T chuyển 7.884.000 đồng; ngày 21/11/2023 bà T chuyển 5.000.000 đồng; ngày 02/2/2024 bà T chuyển 9.900.000 đồng; ngày 19/01/2024 bà T chuyển 2.030.000 đồng. Tổng số tiền mà bà N đã ứng tiền hụi là 133.099.000 đồng nên bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà N. Bà N không thừa nhận trình bày trên của bà T mà cho rằng các khoản bà T đã chuyển trên không phải tiền bà ứng trong 02 dây hụi này mà trong đó khoản 75.000.000 đồng bà T chuyển cho bà N là để thanh toán tiền hụi của đợt chơi trước (hụi của dây khác). Còn các khoản tiền còn lại là tiền làm ăn và vay mượn hỗ trợ nhau trong cuộc sống nên các số tiền chuyển khoản không ghi nội dung. Xét, trong các phiếu chuyển tiền ngày 07/12/2023, ngày 10/12/2023, ngày 04/12/2023, ngày 21/11/2023, ngày 02/2/2024 và ngày 19/01/2024 do bà Thủy cung C cho Tòa án chỉ ghi nhận "Nguyen Thi Le Thuy chuyen khoan". Trong khi đó bà N cũng cung cấp cho Tòa án các phiếu chuyển tiền ngày 30/12/2023 với số tiền 11.345.000 đồng, ngày 24/12/2023 với số tiền 7.776.000 đồng, ngày 13/12/2023 với số tiền 2.916.000 đồng, ngày 11/11/2023 với số tiền 32.400.000 đồng và các phiếu nói trên chỉ ghi nhận "Ngo Thi N chuyen khoan th". Như vậy, có đủ cơ sở xác định ngoài việc các bên tham gia chơi hụi thì giữa bà N và bà T còn thực hiện các giao dịch khác. Mặt khác, chị T không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh các số tiền bà chuyển vào các ngày 07/12/2023, 10/12/2023, 04/12/2023, 21/11/2023, 02/2/2024 và 19/01/2024 là để cho bà N ứng dây hụi khi chơi 02 dây hụi ngày 07/2/2023 và ngày 20/11/2023. Đối với 01 phiếu có nội dung là "c thuy ck tien hui cho e nga" với số tiền là 75.000.000 đồng, chuyển ngày 5/10/2023 do bà Thủy cung C cho Tòa án. Bà T cho rằng đây là số tiền bà cho bà N ứng trước cho dây hụi 07/2/2023 và dây hụi ngày 20/11/2023. Xét, đối với dây hụi ngày 07/2/2023 tính đến ngày 07/9/2023 thì số tiền bà N đóng hụi cho bà T là 61.800.000 đồng nhưng số tiền mà bà T chuyển cho bà N là 75.000.000 đồng, nghĩa là số tiền bà T cho ứng nhiều hơn số tiền mà bà N đã đóng hụi là mâu thuẫn. Trong khi đó, theo các giấy tờ chuyển tiền do bà N cung cấp thể hiện ngày 04/8/2023 bà N chuyển tiền cho bà T số tiền 4.000.000 đồng có nội dung "Ngô Thị N chuyển khoản em đóng hụi"; ngày 13/02/2023 bà N chuyển tiền cho bà T số tiền 13.176.000 đồng có nội dung "Ngô Thị N chuyển khoản em đóng hụi"; ngày 08/5/2023 bà N chuyển tiền cho bà T số tiền 3.900.000 đồng có nội dung "Ngô Thị N chuyển khoản em N đóng hụi"; ngày 26/4/2023 bà N chuyển tiền cho bà T số tiền 7.600.000 đồng có nội dung "Ngô Thị N chuyển khoản đóng hụi". Những tài liệu này thể hiện ngoài 02 dây hụi đang tranh chấp thì bà N còn chơi nhiều dây hụi khác do bà T làm chủ

hụi. Tại phiên tòa, bà T thừa nhận trong năm 2023 ngoài 02 dây hụi đang yêu cầu Tòa án giải quyết thì bà N có chơi những dây hụi khác và những dây hụi này đã được thanh toán xong. Trong khi đó, bà T khai nhận bà T cho bà N ứng tiền hụi nhưng nội dung chuyển khoản không ghi nhận việc ứng tiền hụi mà chỉ ghi chung chung là "ck tiền hụi" trong khi giữa bà T và bà N còn đang chơi nhiều dây hụi khác.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà T trả cho bà N số tiền hụi là 104.800.000 đồng là có căn cứ. Cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Kháng cáo của bà T không được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.240.000 đồng; bà Ngô Thị N không phải chịu là có căn cứ.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Lệ T phải chịu 300.000 đồng.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị N về việc "tranh chấp nợ hụi" đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Ngô Thị N số tiền hụi là 104.800.000 (một trăm linh tư triệu tám trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T phải chịu 5.240.000 (năm triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng. Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai hoàn trả cho nguyên đơn bà Ngô Thị N số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 2.620.000 (hai triệu sáu trăm hai mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009752 ngày 24/4/2025.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0029893 ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND khu vực 12 – Đồng Nai ;
- Phòng THADS khu vực 12 – Đồng Nai ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đinh Thị Quý Chi